

CÔNG BỐ

THÔNG TIN VỀ NĂNG LỰC ĐỦ ĐIỀU KIỆN HOẠT ĐỘNG THÍ NGHIỆM CHUYÊN NGÀNH XÂY DỰNG

Kính gửi:

- Sở Xây Dựng Bắc Ninh.
- Chủ đầu tư, Ban quản lý dự án, Tư vấn thiết kế, Tư vấn giám sát, Nhà thầu thi công, các tổ chức, cá nhân tham gia hoạt động xây dựng

1. Thông tin về Tổ chức hoạt động thí nghiệm chuyên ngành xây dựng

- Tên tổ chức hoạt động thí nghiệm chuyên ngành xây dựng: **CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG – TCI.**
- Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp – Công ty cổ phần số 0101511949-001 đăng ký lần đầu ngày 27/01/2005 và đăng ký thay đổi lần thứ 6 ngày 18/12/2020 do Sở Kế hoạch và đầu tư TP Hà Nội cấp;
- Mã số thuế: 0101511949-001.
- Địa chỉ: Số 5, ngõ 1, phố Bùi Huy Bích, tổ 10 Pháp Vân, Phường Hoàng Mai, Thành phố Hà Nội.
- Địa điểm kinh doanh số 1: D3, Lô 15, Khu đô thị mới Định Công, phường Phương Liệt, TP Hà Nội.
- Điện thoại : 02462885804
- Email: tcivietnam@tcivietnam.com.vn Website: tcivietnam.com.vn

Tên phòng thí nghiệm: **Phòng thí nghiệm kiểm định xây dựng**

- Địa chỉ: Xã Gia Bình, Tỉnh Bắc Ninh.

- Danh mục các chỉ tiêu thí nghiệm và tiêu chuẩn kỹ thuật tương ứng để thực hiện tiêu chí thí nghiệm (Danh mục kèm theo công bố này)
- Danh mục thiết bị để thực hiện các chỉ tiêu thí nghiệm (Danh mục kèm theo công bố này).
- Danh mục thí nghiệm viên để thực hiện các chỉ tiêu thí nghiệm (Danh mục kèm theo công bố này)
- Tất cả nội dung Công bố này được công bố công khai tại Website: tcivietnam.com.vn

Công ty Cổ phần tư vấn đầu tư xây dựng-TCI cam kết thông tin công khai năng lực là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về thông tin đã công bố.

Nơi nhận:

- Sở Xây Dựng Bắc Ninh;
- Lưu: VP;

**CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN ĐẦU TƯ
XÂY DỰNG – TCI**



GIÁM ĐỐC

Nguyễn Văn Diệp

DANH MỤC CÁC CHỈ TIÊU THÍ NGHIỆM VÀ TIÊU CHUẨN KỸ THUẬT ĐỂ THỰC HIỆN CHỈ TIÊU THÍ NGHIỆM CHUYÊN NGÀNH XÂY DỰNG

(Kèm theo Quyết định số: 48/QĐCBNL-TCI ngày 14 tháng 04 năm 2026 của Công ty

Cơ phân tư vấn đầu tư xây dựng – TCI)

TT	Tên chỉ tiêu thí nghiệm	Tiêu chuẩn kỹ thuật
I	Các phép thử tính chất của xi măng, clinke	
1	Xác định độ mịn, khối lượng riêng	TCVN 13605:2023; AASHTO T133-22/T153-02/ T192-11(2022); ASTM C188-17(2023)/C204-24/ C786/C786M-17/C430-17(2023); BS EN 196-6:2018; GB/T1345:2005/T8074:2008/T208:2014
2	Xác định độ dẻo tiêu chuẩn, thời gian đông kết và độ ổn định thể tích	TCVN 6017:2015; TCVN 4031:1985; TCVN 8875:2012; ISO 9597:2008; AASHTO T129-24/T131-23; ASTM C187-16(2024)/C187-16/C191-21/C266-21 /C451-21/C807-21/C472-22; BS EN 196-3:2016; GB/T 1346:2024; TCVN 10653:2015
3	Xác định độ bền uốn và độ bền nén	TCVN 6016:2011; ISO 679:2009; AASHTO T106-22; ASTM C109/C109M-21/C348-20/C349-18/C472-20; BS EN 196-1(2016); JIS R 5201:2015; BS 4550-3.4(1978); GB/T 17671:2021
II	Đất gia cố bằng chất kết dính và hỗn hợp xi măng đất	
1	Xác định cường độ kháng nén của mẫu dạng trụ	ASTM D1633-17
III	Các thí nghiệm hiện trường	
1	Thí nghiệm bằng tải trọng tĩnh ép dọc trục	TCVN 9393:2012; ASTM D1143/1143M-20; ASTM D8169/D8169M:2018; JGJ/ T403-17.

511
ÔN
CƠ P
VĂN
ẤY
T
VGM

DANH SÁCH MÁY MÓC, THIẾT BỊ ĐỂ THỰC HIỆN CHỈ TIÊU THÍ NGHIỆM

(Kèm theo Quyết định số: 48/QĐCBNL-TCI ngày 14 tháng 04 năm 2026 của Công ty

Cổ phần tư vấn đầu tư xây dựng – TCI)

STT	TÊN THIẾT BỊ	MODEL	XUẤT XỨ	SỐ LƯỢNG	GHI CHÚ
1	Máy kiểm tra kéo, nén đa năng	WDW-100A	Trung Quốc	01	
2	Bộ gá nén mẫu xi măng 40*40mm	-	Việt Nam	01	
3	Bộ gá uốn mẫu xi măng 40*40*160mm	-	Việt Nam	01	
4	Máy dẫn vữa xi măng tiêu chuẩn	ZS-15	Trung Quốc	01	
5	Bàn dẫn quay tay kiểm tra độ linh động của vữa	-	Việt Nam	01	
6	Tủ dưỡng hộ (bảo dưỡng)	HBV-40B	Trung Quốc	01	
7	Bộ dụng cụ Vicat	-	Trung Quốc	01	
8	Máy trộn vữa	JJ5	Trung Quốc	01	
9	Cát tiêu chuẩn dùng cho xi măng	-	Việt Nam	66	
10	Sàng D300mm : 0.045mm	-	Trung Quốc	01	
11	Khuôn xi măng Le Chaterlier	-	Việt Nam	06	
12	Khuôn đúc mẫu xi măng 40*40*160mm	-	Việt Nam	06	
13	Muôi xúc vật liệu	-	Việt Nam	01	
14	Bình khối lượng riêng xi măng	-	Việt Nam	02	
15	Bộ thiết bị cân tỷ trọng	-	Việt Nam	01	
16	Khay đựng mẫu 15*26*5cm	-	Việt Nam	10	
17	Thước kẹp điện tử 200mm	-	Trung Quốc	01	
18	Cân điện tử 6200g/0.01g	SI-6200SE	Vibra Shinko	01	
19	Xe rửa	-	Việt Nam	01	
20	Kích thủy lực	-	Trung Quốc	06	
21	Bơm tay thủy lực cp-700a – đồng hồ áp 60Mpa	-	Trung Quốc	06	
22	Đế từ	-	Việt Nam	12	
23	Đồng hồ so 0-50mm	-	Trung Quốc	12	
24	Máy cắt	-	Việt Nam	01	

DANH MỤC THÍ NGHIỆM VIÊN ĐỂ THỰC HIỆN CÁC CHỈ TIÊU THÍ NGHIỆM
(Kèm theo Quyết định số: 48/QĐCBNL-TCI ngày 14 tháng 04 năm 2026 của Công ty

Cổ phần tư vấn đầu tư xây dựng -- TCI)

TT	Họ và tên	Năm sinh	Trình độ chuyên môn Bằng cấp, chứng chỉ	Công việc được giao	Kinh nghiệm
1	Đan Lịch Sử	1983	+ Kỹ sư địa chất công trình, số: C 396458 do Trường Đại học Mở địa chất cấp ngày 01/09/2006 + Chứng chỉ bồi dưỡng nghiệp vụ quản lý phòng thí nghiệm chuyên ngành xây dựng, số 03.K46.16/QLPTN do Trung tâm đào tạo và thông tin – Viện khoa học và công nghệ GTVT cấp ngày 24/10/2016. + Chứng nhận thí nghiệm vật liệu công trình giao thông, số: 2024/GT2-005/VKHCN do Viện KHCN về đầu tư và xây dựng cấp ngày 24/07/2024. + Chứng nhận thí nghiệm vữa, bê tông xi măng và vật liệu chế tạo, số: 2024/BT2-012/VKHCN do Viện KHCN về đầu tư và xây dựng cấp ngày 10/07/2024. + Chứng nhận thí nghiệm hiện trường kiểm tra độ toàn vẹn và sức chịu tải của cọc, số: 15881/2020/VKH-TNXD do Viện KHCN xây dựng cấp ngày 11/06/2020. + Chứng nhận nhận thức chung và đánh giá nội bộ hệ thống quản lý phòng thí nghiệm theo tiêu chuẩn TCVN ISO/IEC 17025: 2017, số: MTMC/ISO17025 /TCI.02.2023 do Công ty TNHH tư vấn quản lý Miền Trung cấp ngày 25/09/2023. + Chứng chỉ thí nghiệm, kiểm định sơn, thạch cao, ván gỗ và vải địa kỹ thuật, số: 321/QĐ.109.2025.VLXD do Viện VL xây dựng cấp ngày 14/04/2025. + Chứng chỉ phân tích hóa học cốt liệu và nước dùng cho vữa và bê tông, số: 398/QĐ.130.2025.VLXD do Viện VL xây dựng cấp ngày 28/04/2025.	Trưởng phòng thí nghiệm	20 năm
2	Nguyễn Văn Sơn	1992	+ Kỹ sư kỹ thuật địa chất, số: 375555 do Trường Đại học Mở địa chất cấp ngày 26/08/2015. + Chứng chỉ thí nghiệm viên kiểm tra chất lượng công trình giao thông, số: 954/QĐ-ĐHCNGTVT do Trường ĐH CN GTVT cấp ngày 11/03/2021. + Chứng nhận bồi dưỡng nghiệp vụ quản lý phòng thí nghiệm chuyên ngành XDCT GT, số: 05.K84.23/QLPTN do Trung tâm đào tạo và thông tin – Viện	Trưởng trạm thí nghiệm hiện trường	09 năm

TT	Họ và tên	Năm sinh	Trình độ chuyên môn Bằng cấp, chứng chỉ	Công việc được giao	Kinh nghiệm
			khoa học và công nghệ GTVT cấp ngày 28/08/2023.		
3	Nguyễn Xuân Huy	1984	+ Bằng nghề thí nghiệm vật liệu đường bộ, số: 000660168/LĐTBXH-DN do Trường trung học GTVT trung ương I cấp ngày 20/03/2006.	Thí nghiệm viên	20 năm
4	Hồ Văn Hoàng	1980	+ Bằng nghề thí nghiệm vật liệu đường bộ, số: 000267993/LĐTBXH-DN do Trường Kỹ thuật và nghiệp vụ giao thông vận tải I cấp ngày 05/04/2003. + Chứng nhận thí nghiệm hiện trường kiểm tra độ toàn vẹn và sức chịu tải của cọc, số: 16118/2023/VKH-TNXD do Viện KHCN xây dựng cấp ngày 05/05/2023. + Chứng nhận phương pháp đo điện trở cách điện, điện trở tiếp đất và phương pháp thử độ bền cách điện, số: 1120/32323/QTC-TTĐT do Trung tâm đào tạo – Tổng cục tiêu chuẩn đo lường chất lượng cấp ngày 31/12/2023. + Chứng chỉ đào tạo thí nghiệm, kiểm định sơn, thạch cao, ván gỗ và vải địa kỹ thuật, số: 324/QĐ.109.2025.VLXD do Viện VL xây dựng cấp ngày 14/04/2025.	Thí nghiệm viên	20 năm
5	Nguyễn Văn Tiến	1994	+ Chứng chỉ thí nghiệm kiểm tra chất lượng cấu kiện xây dựng bằng phương pháp siêu âm, PIT, nén tĩnh, số: KĐ 062016-05 do Viện hàn lâm khoa học và công nghệ Việt Nam, Viện cơ học cấp ngày 23/11/2011.		
6	Trần Văn Đức	1995	+ Chứng nhận thí nghiệm hiện trường kiểm tra độ toàn vẹn và sức chịu tải của cọc, số: 16346/2024/VKH-TNXD do Viện khoa học công nghệ xây dựng cấp ngày 09/08/2024.		
7	Nguyễn Thanh Thiệp	1990	+ Chứng nhận thí nghiệm hiện trường kiểm tra độ toàn vẹn và sức chịu tải của cọc, số: 15290/2017/VKH-TNXD do Viện khoa học công nghệ xây dựng cấp ngày 18/10/2017.		
8	Đinh Văn Nam	1997	+ Chứng nhận thí nghiệm hiện trường kiểm tra độ toàn vẹn và sức chịu tải của cọc, số: 16448/2025/VKH-TNXD do Viện khoa học công nghệ xây dựng cấp ngày 08/05/2025.		